

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU    CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/DS-PT  
Ngày 13 – 5 – 2021  
V/v Chia thừa kế quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Minh Trung

**Các Thẩm phán:** Ông Dương Hùng Quang

Ông Huỳnh Văn Út

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Văn Đoan – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2021/TLPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 82/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1970;

Địa chỉ cư trú: Số 62/5, đường P, khóm 3, phường 7, thành phố C., tỉnh Cà Mau (có mặt).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Luật sư Lê Thanh Thuận – Văn phòng luật sư Lê Thanh Thuận thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

**- Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Tấn Sĩ, sinh năm 1953 (đã chết);

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Tấn Sĩ:*

**- Bà Lê Kim N2, sinh năm 1961 (vắng mặt);**

Địa chỉ cư trú: Ấp Xóm Lớn, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà mau.

**- Anh Nguyễn Trọng H3, sinh năm 1985 (vắng mặt);**

**- Anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1991 (vắng mặt);**

Cùng địa chỉ cư trú: Số 62/5, đường P, khóm 3, phường 7, thành phố C., tỉnh Cà Mau.

2. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1960(có mặt);

Địa chỉ cư trú: Số 62/5, đường P, khóm 3, phường 7, thành phố C., tỉnh Cà Mau.

3. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1968;

Địa chỉ cư trú: Số 62/5, đường P, khóm 3, phường 7, thành phố C., tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông H2:* Ông Nguyễn Thanh Hùng, sinh năm 1975; Địa chỉ cư trú: Số 7, đường Nguyễn Ngọc Sanh, khóm 3, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị H1 là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Bà Nguyễn Thị H1 trình bày:* Cha mẹ bà là cụ ông Nguyễn Văn Nhân (chết năm 1989) và cụ bà Quách Thị Thiệp (chết năm 2012), sinh thời có 04 người con gồm: Nguyễn Tấn Sĩ, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Thị H1. Khi còn sống cụ Nhân và cụ Thiệp tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng đất có diện tích ngang 8,5m, dài 31m tọa lạc tại khóm 3, phường 7, thành phố Cà Mau, và có chia cho các con gồm: Nguyễn Thị H1 ngang 4,6m, dài 9m; Nguyễn Văn H2 ngang 2,8m, dài 20m; Nguyễn Văn N1 ngang 2,8m, dài 20m; Nguyễn Tấn Sĩ ngang 2,8m, dài 20m. Do, phần đất của bà được cho (ngang 4,6m, dài 9m) đã bị ông H2 khởi kiện và Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã buộc bà trả lại cho ông H2. Phần diện tích đất cha mẹ cho ông H2 (ngang 2,8m, dài 20m), hiện nay ông H2 không ở nên bà yêu cầu chia thừa kế phần diện tích đất này vì bà không có chỗ ở.

*Ông Nguyễn Văn N1, Nguyễn Tấn Sĩ trình bày:* Về nguồn gốc đất đúng như bà H1 trình bày, trước đây cha mẹ có cho các anh em trai mỗi người một nền nhà ngang 2,8m, dài 20m, còn phần của bà H1 thì chưa có nên các ông thống nhất theo yêu cầu của Hoa.

*Ông Nguyễn Văn H2 trình bày:* Về nguồn gốc đất đúng như Hoa trình bày. Năm 1995, khi mẹ ông còn sống đã cho ông quản lý sử dụng phần diện tích đất còn lại và ông đã cất nhà và quản lý phần đất này cho đến nay. Nay, bà H1 yêu cầu chia thừa kế phần diện tích đất ngang 2,8m x 20m, ông không đồng ý. Hiện nay, căn nhà của ông bị bà H1 đang để đồ bít hết lối đi vào nhà và quanh nhà nên ông yêu cầu bà H1 di dời các đồ đạc trả lại hiện trạng nhà, đất cho ông.

*Bà Lê Kim N2 trình bày:* Bà và ông Nguyễn Tấn Sĩ chung sống với nhau đã lâu, không đăng ký kết hôn. Đến năm 2001, bà và ông Sĩ tự ly hôn cho đến nay. Việc ông Sĩ tranh chấp với bà H1, bà không có liên quan gì nên xin không tham gia tố tụng trong vụ án.

*Anh Nguyễn Trọng H3 và Nguyễn Minh P trình bày:* Các anh thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Tấn Sĩ trước đây. Các anh không có yêu cầu, ý kiến gì khác.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số:01/2021/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H2, Nguyễn Tấn Sĩ, Nguyễn Văn N1 chia thừa kế phần diện tích đất 70,9m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khóm 3, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H2. Buộc bà Nguyễn Thị H1 di dời toàn bộ các đồ đạc, vật dụng ra khỏi phần nhà và đất của ông H2 (theo bản vẽ đo đạc ngày 14/8/2020 của Trung tâm kỹ thuật – công nghệ - quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/01/2021, bà Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Nguyễn Tấn Sĩ, ông Nguyễn Văn N1 và ông Nguyễn Văn H2 phải chia thừa kế cho bà H1 phần đất có diện tích 70,9 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khóm 3, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn H2 buộc bà Nguyễn Thị H1 di dời toàn bộ đồ đạc, vật dụng ra khỏi phần nhà, đất của ông Nguyễn Văn H2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1 tranh luận:* Tờ di chúc do bà Quách Thị Thiệp lập năm 1995 không có hiệu lực vì tài sản này là tài sản chung của cụ Nhân, cụ Thiệp nhưng cụ Thiệp định đoạt toàn bộ. Ngoài ra, cụ Thiệp có lập lại Tờ di chúc năm 2010 nên di chúc năm 1995 đã bị thay thế bởi di chúc năm 2010. Nay, bà H1 yêu cầu chia phần đất trên làm 4 kỷ phần thừa kế. Ông Sĩ, ông N1 cho bà H1 phần thừa kế của mình nên bà Hòa được  $\frac{3}{4}$  kỷ phần thừa kế. Bà H1 yêu cầu với 3 phương án:

1. Bà H1 nhận đất và trả cho ông H2  $\frac{1}{4}$  giá trị quyền sử dụng đất.

2. Xét công sức của bà H1 nên giao đất cho bà H1 mà không trả giá trị đất cho ông H2.

3. Chia cho bà H1 02 lượng vàng 24k như trong di chúc 1995.

Bà H1 tranh luận: Bà mong Hội đồng xét xử xem xét chia thừa kế cho bà.

Ông Nguyễn Văn N1 không tranh luận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H2 tranh luận: Ông H2 đã nhận đất và cất nhà trước năm 1990. Hơn nữa di chúc năm 1995 có hiệu lực. Di chúc năm 2010 không được công chứng, thực tế và ông H2 không có ký tên nên không hợp pháp. Yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của

Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1, Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Nguyễn Thị H1 kháng cáo yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/DSST ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo hướng buộc ông Nguyễn Tấn Sĩ, ông Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn H2 chia thừa kế phần đất diện tích 70,9 m<sup>2</sup>. Bác yêu cầu phản tố của ông H2 buộc bà H1 di dời toàn bộ các đồ đạc, vật dụng ra khỏi phần đất và nhà của ông H2. Lý do, tờ di chúc ngày 15/01/1995 đã bị cụ Thiệp đề nghị hủy và lập lại tờ di chúc ngày 16 tháng 12 năm 2010. Bà H1 cố đất cho ông H2, bà H1 xin chuộc lại đất nhưng ông H2 yêu cầu tính lãi nên từ đó cho thấy phần đất của ông H2 có nguồn gốc là của bà H1. Tòa cấp sơ thẩm căn cứ lời trình bày của ông Sĩ, ông N1, ông H2 là không khách quan vì quyền lợi của họ có liên quan thừa kế. Xét kháng cáo của bà H1, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Các đương sự trong vụ án, bà H1, ông H2, ông Sĩ, ông N1 đều xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của các cụ Nguyễn Văn Nhân, cụ Quách Thị Thiệp. Các đương sự trên cũng thừa nhận vào ngày 15 tháng 01 năm 1995, cụ Thiệp có lập di chúc để lại phần tài sản của mình. Tờ di chúc được chứng thực của Ủy ban nhân dân phường 7. Đây là điều không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Di chúc này (BL 55) có nội dung: Cụ Thiệp có miếng đất ngang 8,5m, dài 32m và 2 cây vàng 24k phân chia cho ông Sĩ ngang 2,8m, dài 20m; ông N1 ngang 2,8m, dài 20m; bà Hoa 02 cây vàng 24k; ông H2 được hưởng số đất còn lại. Như vậy, theo tờ di chúc, bà H1 không được phân chia đất mà chỉ được phân chia 02 lượng vàng 24k. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1 cho rằng tài sản là của chung cụ Nhân, cụ Thiệp nhưng cụ Thiệp lập Tờ di chúc lập ngày 15 tháng 01 năm 1995 chia toàn bộ tài sản là không có hiệu lực. Hội đồng xét xử xét thấy, cụ Nhân đã chết, cụ Thiệp và các con của cụ Thiệp là người thuộc hàng thừa kế thống nhất thỏa thuận lập tờ di chúc nên việc phân chia đất trên là có giá trị pháp lý.

[3] Thực tế, phần đất của cụ Nhân, cụ Thiệp đã được phân chia cho ông Sĩ, ông N1, ông H2 khi các ông có vợ. Ông Sĩ, ông N1, ông H2 đã cất nhà, sử dụng trên đất từ trước năm 1990. Như vậy, tờ di chúc chỉ là sự hợp thức hóa việc cho đất đã diễn ra trước đó. Điều này được chính ông N1, ông Sĩ, ông H2 xác nhận. Bà H1 cho rằng lời khai của ông Sĩ, ông N1 là không khách quan nhưng thực tế chứng minh ông Sĩ, ông N1 là người không yêu cầu chia thừa kế mà xác định nếu được chia thì giao cho bà H1 sử dụng và có nhiều lời khai có lợi cho bà H1 như thống nhất với bà H1 năm 2010 cụ Thiệp có lập di chúc để lại đất cho bà H1; yêu cầu Tòa án chia thừa kế cho bà H1. Như vậy, bà H1 cho rằng trình bày của ông Sĩ, ông N1 không khách quan là không có cơ sở. Mặt khác, ông H2 đã sử dụng đất và cất nhà trên đất nên ông H2 đã được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với đất và nhà, công trình vật kiến trúc trên đất.

[4] Bà H1 cung cấp tờ di chúc đánh máy ngày 16 tháng 12 năm 2010 không được công chứng hoặc chứng thực, chỉ có ông Sĩ, ông N1, bà H1 ký tên, còn dưới chữ người làm di chúc, ký tên có hai dấu vân tay không xác định được có phải vân tay của cụ Thiệp hay không. Ngoài ra, ngày 16 tháng 12 năm 2010, cụ Thiệp lập di chúc thì cụ Thiệp đã 89 tuổi nhưng vào thời điểm lập di chúc không có căn cứ xác định cụ Thiệp còn minh mẫn hay không. Bà H1 có cung cấp cho Tòa án Giấy xác nhận của Khoa tâm thần Bệnh viện Cà Mau xác nhận bà Quách Thị Thiệp đủ khả năng nhận thức, phân biệt và điều khiển hành vi bản thân nhưng xác nhận trên chỉ có hiệu lực đến ngày 23 tháng 10 năm 2010 nhưng đến ngày 16 tháng 12 năm 2010 mới lập tờ di chúc này. Hơn nữa, Tờ di chúc lập ngày 16 tháng 12 năm 2010 chỉ có ông Sĩ, ông N1, bà H1 ký tên và không được công chứng hay chứng thực, không có người làm chứng. Do đó, di chúc lập ngày 16 tháng 12 năm 2010 không có giá trị pháp lý thay thế di chúc ngày 15 tháng 01 năm 1995.

[5] Hơn nữa, bà H1 cũng thừa nhận theo tờ di chúc lập ngày 16 tháng 12 năm 2010 và ý chí của cụ Thiệp thì phần đất bà đang tranh chấp yêu cầu chia thừa kế là phần đất ông H2 được mẹ bà cho. Bà H1 yêu cầu chia phần đất này là do phần đất bà H1 được cho theo di chúc năm 2010, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã công nhận cho ông H2 tại bản án đã có hiệu lực pháp luật trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất. Như vậy, chính bà H1 thừa nhận phần đất bà yêu cầu chia thừa kế là phần đất ông H2 được chia thừa kế, còn phần đất bà được chia thừa kế là phần đất khác không liên quan trong vụ án này.

[6] Bà H1 kháng cáo cho rằng, phần đất có nguồn gốc của bà H1 vì bà H1 có cho ông H2, bà H1 yêu cầu chuộc lại đất, ông H2 yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy, phần đất bà H1 cho rằng chuộc cho ông H2 là phần đất thuộc thừa khác và đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật, không liên quan trong vụ án này. Bà H1 cho rằng bà H1 không có nhận 02 lượng vàng như trong di chúc. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, ông N1 trình bày ông chỉ nghe nói bà H1 có cầm 02 cây vàng chứ không thấy.

[7] Lời trình bày của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1 là không được chấp nhận như nhận định trên.

[8] Từ phân tích trên, Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H1 là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà H1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng; bà H1 có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, được chuyển thu, đối trừ.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H2, Nguyễn Tấn Sĩ, Nguyễn Văn N1 chia thừa kế phần diện tích đất 70,9m<sup>2</sup> tọa lạc tại khóm 3, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H2.

Buộc bà Nguyễn Thị H1 di dời toàn bộ các đồ đạc, vật dụng của bà H1 ra khỏi phần nhà và đất của ông Nguyễn Văn H2.

(Bản vẽ đo đạc ngày 14/8/2020 của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau).

3. Chi phí đo đạc, định giá: Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu số tiền 7.479.000 đồng (đã nộp xong).

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H1 phải chịu 300.000 đồng, ngày 23/4/2020 bà H1 có nộp tạm ứng án phí số tiền 9.700.000 đồng tại biên lai số 0001675 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ chuyển thu bà H1 được nhận lại 9.400.000 đồng. Ông Nguyễn Văn H2 không phải chịu án phí. Ngày 25/5/2020, ông H2 có nộp số tiền 300.000 đồng tại biên lai số 0001877 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu số tiền 300.000 đồng. Bà H1 được có nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0000534 ngày 21 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Minh Trung**